

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 18/2021/ST-DS  
Ngày 14 - 6 - 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Huy.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Minh Đức;
2. Ông Nguyễn Công Hiến.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy Hằng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nhi- Kiểm sát viên.

Ngày 14/6/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (địa chỉ: Số 45-Lê Lợi, thành phố Đông Hà) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2021/TLST-DS ngày 15/3/2021 về việc: "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-DS ngày 12/5/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-DS ngày 28/5/2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** - Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1948;

- Bà Lê Thị Lệ T, sinh năm: 1969;

Cùng địa chỉ: Số 141 LD, Phường H, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Đều có mặt.

*Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Nhật- Văn phòng Luật sư Trần và Cộng sự; địa chỉ: Số 117B Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 15/4/2021). Có mặt.

**2. Bị đơn:** Bà Võ Thị Tương H, sinh năm: 1970;

Địa chỉ: Số 25 CLV, Khu phố T, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

[1]. Theo đơn khởi kiện cũng như ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

1.1. Bà Nguyễn Thị T, trình bày:

- Gia đình bà Nguyễn Thị T với bà Võ Thị Tương H, sinh năm: 1970; địa chỉ: Số 25 CLV, Khu phố T, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị (Sau đây viết tắt là: bà H) có mối quan hệ rất quen thân trong cuộc sống thường ngày.

Trước tháng 10/2018, bà H nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị T (Sau đây viết tắt là: bà T) nhưng bà H đã trả lại đầy đủ và đúng hạn, ngoài việc vay tiền của bà T thì bà H còn vay tiền của con, cháu bà T (Bà Lê Thị Lệ T, bà Lê Thị Thúy Hằng và Nguyễn Thị Thùy).

- Tối ngày 29/10/2018, bà H đến nhà bà T để vay tiền của bà T, tại thời điểm này, bà T với con gái của Bà là bà Lê Thị Lệ T, sinh năm 1969, hiện trú tại: Số 141 LD, Phường H, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị (Sau đây viết tắt là: bà T) đang ngồi xem ti vi.

Sau khi trao đổi, hai bên thống nhất: Bà T cho bà H vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay khoảng 05 đến 10 ngày, do thân quen và thời gian vay ngắn nên bà T không tính lãi. Với nội dung đã thỏa thuận, bà T giao cho bà H 500.000.000 đồng, bà H nhận đủ tiền rồi viết giấy vay, có nội dung “Vợ chồng H Duy có mượn của O T 500.000.000 đồng” và giao cho bà T cất giữ. Vì thân quen nên bà T nghĩ rằng: Chỉ cần viết với nội dung “Vợ chồng H Duy có mượn của O T 500.000.000 đồng” và có bà T (con bà T) chứng kiến toàn bộ sự việc nên đã đủ cơ sở xác định bà H vay của bà T 500.000.000 đồng.

- Sau 10 ngày kể từ ngày vay, bà T yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H nhiều lần xin khất nợ, vì quá thân quen nên bà T đồng ý nhưng yêu cầu bà H phải trả trước ngày 31/12/2018. Sau ngày 31/12/2018, bà T yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H cố tình trốn tránh và thay đổi số điện thoại nên bà T khởi kiện bà H với yêu cầu: Buộc bà H phải trả nợ tiền vay, với số tiền 500.000.000 đồng cho bà T theo hợp đồng vay đề ngày 29/10/2018.

#### 1.2. Bà Lê Thị Lệ T, trình bày:

- Gia đình bà **Lê Thị Lệ T** với bà Võ Thị Tương H, sinh năm: 1970; địa chỉ: Số 25 CLV, Khu phố T, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị có mối quan hệ rất quen thân trong cuộc sống thường ngày.

- Ngày 21/9/2015, bà H cần tiền để thanh toán tiền hàng nên bà H đến gặp bà **Lê Thị Lệ T** (Sau đây viết tắt là: bà T) để vay tiền. Sau khi trao đổi, bà H với bà T thống nhất: Bà T cho bà H vay 200.000.000 đồng, hạn trả nợ tiền vay 21/10/2015, do thân quen nên bà T cho bà H vay không có lãi. Sau khi thỏa thuận, bà T giao cho bà H 200.000.000 đồng, bà H nhận đủ 200.000.000 đồng và bà H viết giấy vay, với nội dung như đã thỏa thuận rồi giao cho bà T cất giữ.

Tại thời điểm vay (21/9/2015), bà T sinh sống tại 08/11 ĐD, Khu phố B, Phường H, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị còn bà H vẫn sinh sống tại địa chỉ 25 CLV, Khu phố T, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị nhưng hàng ngày bà H đến kinh doanh (Buôn bán) tại Cơ sở kinh doanh thức ăn nuôi tôm Duy H; địa chỉ: Khu phố M, phường ĐG, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị nên trong giấy vay tiền ghi địa chỉ của bà T là 08/11 ĐD, Phường H, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

Và địa chỉ của bà H là Khu phố M, phường ĐG, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

Đến hạn, bà H kinh doanh gặp khó khăn nên đã đề nghị bà T kéo dài thời hạn trả nợ tiền vay, vì quá thân quen nên bà T đồng ý. Lần cuối cùng bà T với bà H thỏa Tận thời hạn bà H phải trả nợ tiền vay cho bà T là ngày 30/10/2018 (thỏa Tận bằng miệng); Sau ngày 30/10/2018, bà T nhiều lần yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay nhưng bà H không chịu thực hiện nên bà T khởi kiện bà H, với yêu cầu: Buộc bà Võ Thị Tương H phải trả nợ tiền vay, với số tiền 200.000.000 đồng cho bà Lê Thị Lệ T theo hợp đồng vay đề ngày 21/9/2015.

Ngoài ra, bà T còn trình bày: Ngày 29/10/2018, bà T có cho bà H vay 500.000.000 đồng, bà T chứng kiến toàn bộ sự việc, cụ thể:

- Bà T với bà T cùng sinh sống tại địa chỉ: 141 LD, Phường H, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị. Tối ngày 29/10/2018, bà T với bà T đang xem tivi thì bà H đến nhà bà T để vay tiền; khi trao đổi việc vay, chỉ có bà T, bà H với bà T; số tiền bà T cho bà H vay 500.000.000 đồng, thời hạn vay khoảng 05 đến 10 ngày, do thân quen và thời gian vay ngắn nên mẹ bà T là bà T không tính lãi. Khi bà T với bà H đang trao đổi thì bà T có yêu cầu bà H trả số nợ 200.000.000 đồng, bà H cam kết sẽ trả đúng hạn.

- Sau khi bà H với bà T trao đổi xong, bà T thấy, bà T giao cho bà H 500.000.000 đồng, bà H đếm lại tiền rồi viết giấy vay và giao cho bà T cất giữ. Trước khi ra về, bà H còn cam kết tối mai (tối ngày 30/10/2018) sẽ trả nợ 200.000.000 đồng cho bà T.

[2]. *Bị đơn là bà Võ Thị Tương H*: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến giao nộp cho Tòa án, không tham gia 02 phiên họp và hòa giải do Tòa án tổ chức và vắng mặt tại phiên tòa.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

\* Về tố tụng:

- Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, thụ lý vụ án số 26/2021/TLST-DS ngày 15/3/2021, xác định tư cách tham gia tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tổng đạt văn bản tố tụng là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 195; Điều 196; Điều 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thẩm phán tiến hành hoạt động tố tụng (T thập tài liệu, chứng cứ và tiến hành hòa giải) đã tuân thủ đúng quy định quy định tại khoản 2 Điều 97; Điều 98; Điều 170; Điều 171; Điều 173; Điều 174; Điều 175; Điều 177; Điều 179; Điều 208; Điều 209; Điều 210; Điều 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Thẩm phán đã tuân thủ đúng thời hạn giải quyết vụ án và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, quy định tại Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa sơ thẩm theo Điều 11; Điều 12,; Điều 14; Điều 51 và Điều 225 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các thông báo về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không có mặt và không có bất kỳ ý kiến gì là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463; Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về tố tụng:**

##### *1.1. Thẩm quyền giải quyết:*

- Tranh chấp giữa bà T và bà T với bà H đều phát sinh từ Văn bản ghi nhận sự việc mượn (Vay) tiền, Văn bản, có nội dung của hợp đồng vay tài sản.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án T thập có đủ căn cứ xác định: Bị đơn là bà Võ Thị Tương H, đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Khu phố T, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị từ năm 2015 đến nay.

Như vậy, Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà T và bà T là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

##### *1.2. Quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Bà T cho bà H vay tiền vào ngày 21/9/2015, thời hạn bà H phải trả nợ là ngày 21/10/2015 nhưng sau đó, hai bên thỏa Tận lại thời hạn chậm nhất bà H phải trả nợ tiền vay cho bà T là ngày 30/10/2018;

Bà T cho bà H vay tiền vào ngày 29/10/2018, văn bản thỏa Tận không thể hiện thời hạn bà H phải trả nợ tiền vay cho bà T.

Ngày 05/01/2021, bà T và bà T nộp đơn khởi kiện bà H là chưa quá 03 năm, kể từ ngày bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo thỏa Tận nên thời hiệu bà T và bà T thực hiện quyền khởi kiện vẫn còn được quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*1.3. Xét xử vắng mặt bị đơn:* Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà đề nghị Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành

xét xử trong trường hợp vắng mặt bị đơn.

**[2] Về nội dung:**

Xem xét 02 Văn bản ghi nhận sự việc mượn (Vay) tiền đề ngày 21/9/2015, giữa bà T với bà H và ngày 29/10/2018, giữa bà T với bà H, thấy: 02 văn bản đều có nội dung của hợp đồng vay tài sản.

**2.1. Xem xét yêu cầu khởi kiện của bà T:**

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà T trình bày: Người vay tiền trong “*Văn bản ghi nhận sự việc mượn tiền*” mang tên Võ Thị Tương H, chính là bà Võ Thị Tương H, sinh năm: 1970; Trú tại: Số 25 CLV, Khu phố T, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị là bị đơn trong vụ án này. Và người cho vay mang tên (O T) trong “*Văn bản ghi nhận sự việc mượn tiền*” chính là Nguyễn Thị T nguyên đơn trong vụ án. Hội đồng xét xử, xét thấy:

Nội dung trình bày của Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp với lời khai của nguyên đơn (Bà T) trong giai đoạn chuẩn bị xét xử đồng thời phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đó là: Lời khai của bà Lê Thị Lệ T (Người làm chứng) và người đang cất giữ “*Văn bản ghi nhận sự việc mượn tiền*” chính là bà T. Hơn nữa, bà H đã biết được toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà H (Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ) nhưng bà H không có ý kiến phản bác với yêu cầu khởi kiện của bà T nên có đủ căn cứ để xác định: Ngày 29/10/2018, bà H có vay của bà T số tiền 500.000.000 đồng, vay không lãi và có thời hạn, cụ thể: Thời hạn bà H phải trả nợ tiền vay cho bà T là ngày 31/12/2018. Như vậy, bà H đã vi phạm thời hạn trả nợ tiền vay nên cần áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

**2.2. Xem xét yêu cầu khởi kiện của bà T:**

Xem xét nội dung “*Văn bản ghi nhận sự việc mượn tiền*” đề ngày 21/9/2015, thấy:

- Người vay trong “*Văn bản ghi nhận sự việc mượn tiền*” đề ngày 21/9/2015 là bà Võ Thị Tương H, địa chỉ: Khu phố M, phường ĐG, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

Kết quả xác minh của Tòa án tại Công an phường Đông Giang và Phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, xác định: Bà Võ Thị Tương H (Bị đơn trong vụ án này) có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố T, Phường M, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị kể từ năm 2015 đến nay. Từ năm 2010 đến khoảng năm 2019, bà H có kinh doanh thức ăn nuôi tôm tại địa chỉ Khu phố M, phường ĐG, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Như vậy, người vay tiền mang tên Võ Thị Tương H, có địa chỉ: Khu phố 1, phường Đông Giang, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, trong “*Văn bản ghi nhận sự việc mượn tiền*” đề ngày 21/9/2015 với bà H bị đơn trong vụ án này là một.

- Theo nội dung thỏa Tận và thỏa Tận lại thời hạn bên vay (Bà H) phải trả

nợ tiền vay, thì: Thời hạn bà H phải trả nợ tiền vay cho bà T là 30/10/2018. Như vậy, bà H đã vi phạm thời hạn trả nợ tiền vay nên cần áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 474 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015 để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T

**[3] Về án phí:**

Yêu cầu khởi kiện của bà T và bà T được chấp nhận toàn bộ nên trả lại toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà T và bà T.

Bà Võ Thị Tương H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 471; khoản 1, khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005. Điều 429; Điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và bà Lê Thị Lệ T.

**1. Nghĩa vụ trả nợ tiền vay:**

- Buộc bà Võ Thị Tương H phải trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị T, với số tiền là: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tài sản đề ngày 29/10/2018.

- Buộc bà Võ Thị Tương H phải trả nợ vay cho bà Lê Thị Lệ T, với số tiền là: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tài sản đề ngày 21/9/2015.

**2. Nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền yêu cầu thi hành án**

*Kể từ bản án có hiệu lực và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**3. Án phí:**

- Buộc bà Võ Thị Tương H phải chịu phải chịu 34.000.000 đồng án phí

dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 đồng, theo Biên lai T tạm ứng án phí số: AA/2018/0000887 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Trả lại cho bà Lê Thị Lệ T toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng, theo Biên lai T tạm ứng án phí số: AA/2018/0000889 ngày 25/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

#### **4. Quyền kháng cáo:**

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/6/2021). Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Đông Hà;
- Phòng GDKT TAND tỉnh Q.Trị;
- Chi cục THADS T.P Đông Hà;
- Lưu: Hồ sơ, Tập án.

**Trần Quốc Huy**